

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 20 – 4 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga
Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án Thành phố T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa :

Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/ TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXX- ST ngày 26 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (S)

Địa chỉ: Số 25 Tr, phường Ph, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình Kh – Phó tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-SeaBank của ông Lê Văn T1)

Người được ông Vũ Đình Kh ủy quyền lại:

Ông Đặng Ph – Giám đốc xử lý nợ khu vực Miền Trung “Vắng mặt”.

Ông Nguyễn Xuân S1 – Chuyên viên xử lý nợ Miền Trung “Có mặt”

Ông Nguyễn Tuấn L – Chuyên viên xử lý nợ Miền Trung “Vắng mặt”

(Theo văn bản ủy quyền số 10599/2020/UQ-SeABanhk ngày 06/8/2020 của ông Vũ Đình Kh).

Bị đơn: Anh Lê Xuân T - SN 1980 . “Vắng mặt”

Địa chỉ: SN 122 S2, phường A, TP.T, T.Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ và anh Lê Xuân T có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho anh T vay số tiền: 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng), mục đích vay vốn: vay sửa nhà, thời hạn vay: 10 năm . Phương thức thanh toán và tiền lãi thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 625, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng riêng: 120,0 m², địa chỉ: phố S2, phường A1 (nay là phường A), Thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 225710 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/5/2012 cho ông Lê Xuân T, Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2000600101 ngày 07/01/2020 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngày 30/12/2019 anh Lê Xuân T đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân không có tài sản bảo đảm với hạn mức thẻ là 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng). Phương thức thanh toán và tiền lãi theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T mới thanh toán được cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT tổng là 22.116.563đ, trong đó tiền gốc là 13.251.000 đ và 8.865.563 đ tiền lãi; sau đó kể từ ngày 15/4/2020 đến nay thì anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu anh T thanh toán tuy nhiên anh vẫn không hợp tác thanh toán.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 19/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí trả nợ trước hạn tính đến ngày 19/3/2021 là 11.593.625 đ. Ngân hàng chỉ yêu cầu xem xét khoản nợ gốc trong hạn và quá hạn, lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi chậm trả của anh T tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT ngày 07/1/2020 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 30/12/2019.

Tính đến ngày 20/4/2021 anh T đã quá hạn Ngân hàng 370 ngày và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 630.213.599 đ, Trong đó Nợ tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT gốc và lãi là: 587.670.999 đ (số tiền gốc trong hạn là: 459.328.000đ, nợ gốc quá hạn: 57.421.000đ; tiền lãi trong hạn: 62.929.332 đ, tiền lãi quá hạn: 4.968.252 đ, tiền lãi phạt chậm trả: 3.024.415 đ) Và nợ tại Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tổng gốc và lãi là 42.542.600 đ (nợ gốc quá hạn: 31.215.925đ trong đó nợ gốc thẻ tín dụng là 30.000.000 đ và nợ gốc phí thường niên thẻ tín dụng là 1.215.925 đ; lãi quá hạn:

11.326.675 đ) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản đất số REF2000600101 ngày 07/01/2020 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa giữa Ngân hàng TMCP Đ và anh Lê Xuân T mà các bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Lê Xuân T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền Phí trả nợ trước hạn tính đến ngày 19/3/2021 là 11.593.625 đ và chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại Thành phố T, do vậy khi phát sinh tranh chấp, Tòa án Thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo quy định của pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh T đúng quy định.

[2] Ngày 19/3/2021 và tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí trả nợ trước hạn tính đến ngày 19/3/2021 là 11.593.625 đ tại

Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT, do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về nội dung:

Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT và hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân đã được các bên ký kết có nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho anh Lê Xuân T được thể hiện trong Biên bản giao nhận tiền mặt vào ngày 08/1/2020 và sao kê thẻ tín dụng của anh Lê Xuân T. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Lê Xuân T mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 22.116.563, trong đó tiền gốc là 13.251.000đ và 8.865.563 tiền lãi. Kể từ ngày 15/4/2020 đến nay thì anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc anh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 20/4/2021 của Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT số tiền là: 587.670.999 đ (số tiền gốc trong hạn là: 459.328.000đ, nợ gốc quá hạn: 57.421.000đ; tiền lãi trong hạn: 62.929.332 đ, tiền lãi quá hạn: 4.968.252 đ, tiền lãi phạt chậm trả: 3.024.415 đ) và hợp đồng hạn mức phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân là 42.542.600 đ (nợ gốc quá hạn: 31.215.925đ trong đó nợ gốc thẻ tín dụng là 30.000.000 đ và nợ gốc phí thường niên thẻ tín dụng là 1.215.925 đ; lãi quá hạn: 11.326.675 đ), tổng số nợ của hai hợp đồng là 630.213.599 đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 21/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

- Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2000600101, số công chứng 84 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/1/2020 tại phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa được ký kết giữa các bên là hoàn T tự nguyện. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, có công chứng chứng thực và làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý. Trường hợp anh T không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng, thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Anh Lê Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS. Điều 299; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền Phí trả nợ trước hạn tính đến ngày 19/3/2021 là 11.593.625 đồng tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT ngày 07/01/2020.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ

Buộc anh Lê Xuân T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tính đến ngày 20/4/2021 của Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT ngày 07/1/2020 là 587.670.999 đồng (trong đó: nợ gốc trong hạn là: 459.328.000 đồng, nợ gốc quá hạn: 57.421.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 62.929.332 đồng, tiền lãi quá hạn: 4.968.252 đồng, tiền lãi phạt chậm trả: 3.024.415 đồng) và tiền nợ tại hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 30/12/2019 là 42.542.600 đồng (Trong đó: nợ gốc quá hạn: 31.215.925 đồng; lãi quá hạn: 11.326.675 đồng). Tổng số nợ của cả hai hợp đồng là 630.213.599 đồng (nợ gốc là 547.964.925 đồng và tiền lãi là 82.248.674 đồng)

Anh Lê Xuân T tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 21/4/2021 cho đến khi thanh toán xong T bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT ngày 07/1/2020 và hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 30/12/2019 đã được ký kết giữa các bên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Lê Xuân T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 625, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Phố S2, phường A1 (nay là A), Thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 225710 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/5/2012 cho anh Lê Xuân T, Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF2000600101 ngày 07/1/2020, số công chứng 84 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/1/2020 tại Văn phòng công chứng T, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo cho việc trả nợ và thi hành án đối với khoản nợ tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2000600101/HĐTD/THA-LXT ngày 07/1/2020.

Về án phí: Anh Lê Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn số 29.209.000 đồng ;

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.341.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001538 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long